



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán Thuế Tài chính doanh nghiệp Đào tạo

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN THÁC MƠ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 từ trang 5 đến trang 29 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Ninh Viết Định	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phú	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *Uu*



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 27 tháng 08 năm 2012

Số: 30/2012/UHY-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
*Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ*

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

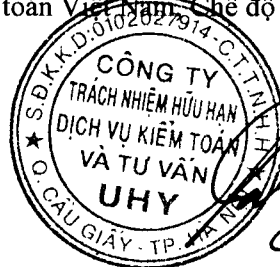
Chúng tôi đã tiến hành công tác soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại 30/06/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 20/08/2012, trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 19 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty vẫn đang trong giai đoạn đàm phán giá bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, doanh thu bán điện được ghi nhận trong 6 tháng đầu năm 2012 đang được tạm tính trên cơ sở giá bán điện bằng 80% đơn giá mua bán điện năm 2011. Theo đó, sau khi có thỏa thuận về giá bán điện chính thức, doanh thu trong kỳ có thể sẽ thay đổi và được điều chỉnh vào thời điểm cuối năm 2012.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoài ảnh hưởng của vấn đề như đã mô tả ở đoạn trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0798/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2012

Tô Thị Thanh Nga
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1183/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/06/2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		277.766.123.164	285.686.266.166
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	77.672.151.134	30.995.694.710
Tiền	111		3.672.151.134	3.195.694.710
Các khoản tương đương tiền	112		74.000.000.000	27.800.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	34.918.141.795	44.318.141.795
Đầu tư ngắn hạn	121		34.918.141.795	44.318.141.795
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		159.808.746.545	203.871.504.128
Phải thu khách hàng	131		147.664.864.099	191.544.010.713
Trả trước cho người bán	132		729.810.000	2.077.675.000
Các khoản phải thu khác	135	6	11.806.771.301	10.642.517.270
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(392.698.855)	(392.698.855)
Hàng tồn kho	140		4.689.543.690	5.966.138.974
Hàng tồn kho	141	7	4.689.543.690	5.966.138.974
Tài sản ngắn hạn khác	150		677.540.000	534.786.559
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	160.992.559
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	677.540.000	373.794.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.009.050.181.960	1.035.882.829.022
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		742.185.810.660	796.033.157.722
Tài sản cố định hữu hình	221	9	720.857.630.827	784.579.283.511
- Nguyên giá	222		1.965.412.575.136	1.964.912.875.136
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.244.554.944.309)	(1.180.333.591.625)
Tài sản cố định vô hình	227	10	9.611.482.484	9.742.944.818
- Nguyên giá	228		10.069.564.760	10.069.564.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(458.082.276)	(326.619.942)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	11.716.697.349	1.710.929.393
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	266.864.371.300	239.849.671.300
Đầu tư vào công ty con	251		64.689.671.300	39.017.671.300
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.600.000.000	2.400.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		199.574.700.000	198.432.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.286.816.305.124	1.321.569.095.188

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2012	Tại 01/01/2012
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		491.948.774.334	511.353.022.565
Nợ ngắn hạn	310		154.082.525.888	173.486.774.119
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	38.812.000.000	77.624.000.000
Phải trả người bán	312		1.178.697.000	11.068.102.348
Người mua trả tiền trước	313		923.468.000	717.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	39.305.837.716	49.969.599.856
Phải trả người lao động	315		10.610.472.278	9.184.905.704
Chi phí phải trả	316	15	24.562.291.414	15.894.536.281
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	32.208.817.430	6.235.121.280
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.480.942.050	2.793.508.650
Nợ dài hạn	330		337.866.248.446	337.866.248.446
Vay và nợ dài hạn	334	17	337.866.248.446	337.866.248.446
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		794.867.530.790	810.216.072.623
Vốn chủ sở hữu	410	18	794.867.530.790	810.216.072.623
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.296.250.607	4.796.550.607
Quỹ đầu tư phát triển	417		26.521.376.123	17.587.513.756
Quỹ dự phòng tài chính	418		17.074.246.893	13.350.154.189
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		45.975.657.167	74.481.854.071
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.286.816.305.124	1.321.569.095.188

Bình Phước, ngày 27 tháng 08 năm 2012

Kế toán trưởng

Werner

Huỳnh Văn Khánh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Phú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	205.264.382.543	62.832.405.624
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		205.264.382.543	62.832.405.624
Giá vốn hàng bán	11	20	110.127.443.597	76.081.470.071
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		95.136.938.946	(13.249.064.447)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	4.696.180.318	3.172.959.621
Chi phí tài chính	22	22	32.020.701.110	37.178.072.046
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		32.020.701.110	37.178.072.046
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.221.293.611	4.566.141.715
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.591.124.543	(51.820.318.587)
Thu nhập khác	31	23	19.034.780	370.495.324
Chi phí khác	32	24	-	329.706.278
Lợi nhuận khác	40		19.034.780	40.789.046
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.610.159.323	(51.779.529.541)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	14.634.502.156	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45.975.657.167	(51.779.529.541)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	657	(740)

Bình Phước, ngày 27 tháng 08 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Khánh



Nguyễn Thanh Phú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

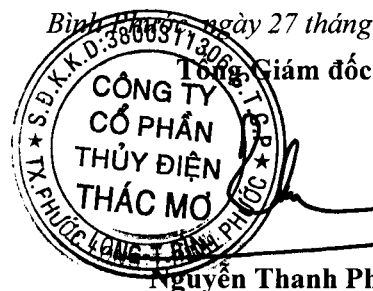
Chỉ tiêu	Mã số	TM	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		60.610.159.323	(51.779.529.541)
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		64.352.815.018	65.295.057.500
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(4.696.180.318)	(3.172.959.621)
- Chi phí lãi vay	6		32.020.701.110	37.178.072.046
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		152.287.495.133	47.520.640.384
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		44.562.978.067	11.728.554.348
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		1.276.595.284	(919.664.251)
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		3.293.706.446	(5.803.783.747)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		160.992.559	152.048.529
- Tiền lãi vay đã trả	13		(35.095.945.977)	(35.060.397.051)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(25.979.572.966)	(4.502.511.336)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	444.399.942
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.443.454.120)	(719.570.629)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		138.062.794.426	12.839.716.189
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.430.595.217)	(503.117.685)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.000.000.000)	(851.712.522)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		29.400.000.000	84.901.963.804
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(27.014.700.000)	(16.019.071.300)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.624.029.615	3.130.817.826
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23.421.265.602)	70.658.880.123
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(38.812.000.000)	(38.812.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29.153.072.400)	(42.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(67.965.072.400)	(80.812.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		46.676.456.424	2.686.596.312
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		30.995.694.710	1.227.052.238
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		77.672.151.134	3.913.648.550

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh

Bình Phước, ngày 27 tháng 08 năm 2012



Nguyễn Thanh Phú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 44.03.000.108 ngày 01/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 38.00.311.306 đã đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18/06/2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08/06/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỏ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp; cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ; đường thủy;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ; du lịch./.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với hệ thống kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được xây dựng trên cơ sở Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam (Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 20/03/2006 về việc “Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp” và Thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2009 về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp”), và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ được lập trên cơ sở hợp cộng Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Trung tâm Dịch vụ và Sửa chữa Cơ điện.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.3 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối kỳ là chi phí thực hiện các hợp đồng dịch vụ chưa hoàn thành.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.4 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Tại ngày 30/06/2012, Công ty chưa tiến hành lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư tài chính đang nắm giữ.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	8 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất với 3 thửa đất tại Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 34 năm, từ ngày 01/09/2009 đến ngày 15/10/2043.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

- Quyền sử dụng đất tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 50 năm, từ ngày 07/09/2009 đến ngày 07/12/2059.

Quyền sử dụng đất của Công ty được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời gian sử dụng đất.

3.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính này của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phiếu và góp vốn với tỷ lệ nhỏ hơn 20% quyền biểu quyết. Tất cả các khoản đầu tư tài chính dài hạn được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

3.8 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ. Cổ tức và lợi nhuận không kể đến các khoản cổ tức được chi trả bằng hình thức phát hành cổ phiếu, được chia từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.12 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	96.763.740	1.028.522.660
Tiền gửi ngân hàng	3.575.387.394	2.167.172.050
Các khoản tương đương tiền (*)	74.000.000.000	27.800.000.000
Cộng	77.672.151.134	30.995.694.710

(*): Là tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)		
- Ngân hàng Phát triển Bình Phước	3.500.000.000	2.500.000.000
- Ngân hàng Công Thương Bình Phước	-	11.900.000.000
- Ngân hàng Công thương - CN8 - TP Hồ Chí Minh	6.918.141.795	21.918.141.795
Công ty Cổ phần Thủy Điện Đăkrosa (**)	24.500.000.000	8.000.000.000
Cộng	34.918.141.795	44.318.141.795

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn xác định trên 3 tháng và dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng.

(**) Là khoản tiền cho Công ty Cổ phần Thủy Điện Đăkrosa vay theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay số 01/HĐVV ngày 06/07/2011 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa. Giá trị khoản vay là 8.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 08/07/2011 đến hết ngày 30/06/2012, với lãi suất 18%/năm. Kể từ ngày 01/07/2012, toàn bộ gốc vay và lãi vay tính đến ngày 30/06/2012 được chuyển thành phần vốn góp của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa.
- Hợp đồng vay số 02/HĐVV ngày 22/06/2012 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa. Giá trị khoản vay là 6.500.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày 25/06/2012, với lãi suất 13%/năm. Lãi vay và gốc vay được thanh toán vào ngày đáo hạn.
- Hợp đồng vay số 01/HĐVV ngày 03/01/2012 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa. Giá trị khoản vay là 10.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 04/01/2012 đến hết ngày 30/06/2012, với lãi suất 18%/năm. Kể từ ngày 01/07/2012, toàn bộ gốc vay và lãi vay tính đến ngày 30/06/2012 được chuyển thành phần vốn góp của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Trả hộ BQLDA Thủy Điện Thác Mơ mở rộng	8.983.075.646	8.713.577.337
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.645.659.036	1.841.692.552
Phải thu khác	178.036.619	87.247.381
Cộng	11.806.771.301	10.642.517.270

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.447.285.336	3.754.204.050
Công cụ, dụng cụ	312.062.937	324.342.434
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	930.195.417	1.887.592.490
<i>Trong đó chi tiết gồm</i>		
+ <i>Hợp đồng 04/2006 Tư vấn quản lý dự án Thác Mơ MR</i>	<i>523.128.429</i>	<i>523.128.429</i>
+ <i>Hợp đồng 06TB/2008/HĐ-GS Đaktih</i>	<i>21.603.272</i>	<i>21.603.272</i>
+ <i>HĐ 14/2011 Hướng dẫn vận hành NMTĐ ĐăkR'tih</i>	<i>185.516.808</i>	<i>173.087.765</i>
+ <i>HD35/2011-Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện - Đăklugl</i>	<i>43.110.273</i>	<i>43.110.273</i>
+ <i>Khác</i>	<i>156.836.635</i>	<i>1.126.662.751</i>
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	4.689.543.690	5.966.138.974

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Là số dư các khoản tạm ứng cho nhân viên Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện, vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Tại 01/01/2012	1.242.435.277.754	597.751.383.753	114.901.676.652	9.824.536.977	1.964.912.875.136
- Mua trong kỳ	-	-	-	499.700.000	499.700.000
Tại 30/06/2012	1.242.435.277.754	597.751.383.753	114.901.676.652	10.324.236.977	1.965.412.575.136

GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ

Tại 01/01/2012	645.913.294.892	448.230.373.910	77.079.824.309	9.110.098.514	1.180.333.591.625
- Khấu hao trong kỳ	21.385.972.848	36.927.254.940	5.798.212.110	109.912.786	64.221.352.684
Tại 30/06/2012	667.299.267.740	485.157.628.850	82.878.036.419	9.220.011.300	1.244.554.944.309

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2012	596.521.982.862	149.521.009.843	37.821.852.343	714.438.463	784.579.283.511
Tại 30/06/2012	575.136.010.014	112.593.754.903	32.023.640.233	1.104.225.677	720.857.630.827

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để khấu hao, cảm cố các khoản vay:
Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30/06/2012 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 360.428.815.414 đồng
13.993.986.107 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Là giá trị quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất với 3 thửa đất tại Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 34 năm, từ ngày 01/09/2009 đến ngày 15/10/2043. Tại ngày 30/06/2012, Nguyên giá của quyền sử dụng đất này là 5.803.347.185 đồng, Giá trị hao mòn lũy kế là 327.483.780 đồng, giá trị còn lại là 5.475.863.405 đồng.
- Quyền sử dụng đất tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 50 năm, từ ngày 07/09/2009 đến ngày 07/12/2059. Tại ngày 30/06/2012, Nguyên giá của quyền sử dụng đất này là 4.266.217.575 đồng, Giá trị hao mòn lũy kế là 130.598.496 đồng, giá trị còn lại là 4.135.619.079 đồng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 30/06/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Tổng số chi phí XDCB dở dang	11.716.697.349	1.710.929.393
Trong đó:		
+ Dự án Nhà máy nước thô NLSH	7.994.463.085	1.710.929.393
+ Đại tu hệ thống, đập tràn, cửa vang	1.746.582.362	-
+ Đại tu hệ thống 35/10kV	894.558.357	-
+ Trung tu tổ máy số 2	1.027.574.307	-
+ Đại tu cầu 250 tấn	53.519.238	-

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 30/06/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	64.689.671.300	39.017.671.300
Công ty CP Mỹ Hưng Tây Nguyên	64.689.671.300	39.017.671.300
Đầu tư vào Công ty liên kết	2.600.000.000	2.400.000.000
Công ty CP Phong điện Thuận Bình	2.600.000.000	2.400.000.000
Đầu tư dài hạn khác	199.574.700.000	198.432.000.000
Công ty CP Cơ điện Đồng Nai	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty CP thủy điện Sêsan 4 (*)	9.978.000.000	9.978.000.000
Công ty CP thủy điện Sêrêpok (*)	10.800.000.000	10.800.000.000
Công ty CP Thủy điện Đăkrosa	28.116.700.000	26.974.000.000
Trong đó:		
+ Công ty CP Thủy điện Đăkrosa	17.974.000.000	17.974.000.000
+ Dự án Nhà máy Thủy điện Đăkrosa 2 (**)	10.142.700.000	9.000.000.000
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	149.580.000.000	149.580.000.000
Cộng	266.864.371.300	239.849.671.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

(*) Các Công ty này đang trong quá trình xây dựng, chưa chính thức đi vào hoạt động.

(**) Là khoản góp vốn theo hợp đồng số 001/DHPC-HĐGV ngày 10/12/2010 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa để xây dựng Nhà máy Thủy điện Đắkrosa 2; giá trị góp vốn là 9 tỷ đồng; toàn bộ giá trị góp vốn được phát hành thành trái phiếu chuyển đổi của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa; mệnh giá 100.000đ/trái phiếu; tỷ lệ chuyển đổi: 1 trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Sau khi nhà máy Thủy điện Đắkrosa 2 vận hành kinh doanh số trái phiếu sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy Điện Đắkrosa.

Tại ngày 01/01/2012, nhà máy Thủy điện Đắkrosa 2 đã đi vào vận hành. Số trái phiếu chuyển đổi nắm giữ được chuyển đổi thành cổ phiếu và lãi trái phiếu tính đến 31/12/2011 được chuyển thành phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả	38.812.000.000	77.624.000.000
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (*)	21.312.000.000	42.624.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (*)	17.500.000.000	35.000.000.000

(*) Xem thêm tại thuyết minh số 17.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 30/06/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT	2.954.283.980	11.630.012.432
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	13.559.852.638	24.904.923.448
Thuế thu nhập cá nhân	45.259.850	49.788.382
Thuế tài nguyên	1.771.702.808	864.782.554
Các loại thuế khác (*)	20.974.738.440	12.520.093.040
Cộng	39.305.837.716	49.969.599.856

(*) Là khoản phí dịch vụ môi trường rừng.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 30/06/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	11.743.000.000	-
Lãi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.202.591.414	6.407.591.837
Lãi vay Công ty tài chính Cổ phần Điện lực	7.616.700.000	9.486.944.444
Cộng	24.562.291.414	15.894.536.281

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	82.072.034	78.321.658
Thu nhập tạm giữ	275.004.994	1.173.660.616
Phải trả cổ tức cho cổ đông	31.214.085.412	4.367.157.812
Trung tâm ĐĐHTĐ Quốc Gia	212.422.236	212.422.236
Công ty Cổ phần Tư vấn XD Điện 3	112.000.000	112.000.000
Các khoản phải trả khác	313.232.754	291.558.958
Cộng	32.208.817.430	6.235.121.280

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Tại 30/06/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	337.866.248.446	337.866.248.446
- Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam (1)	127.866.248.446	127.866.248.446
- Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (2)	210.000.000.000	210.000.000.000
Cộng	337.866.248.446	337.866.248.446

(1) Là khoản vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 01/EVN- Thác Mơ/TCKT ngày 02/01/2009 với mục đích điều chỉnh cơ cấu vốn Nhà nước trong phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Thời hạn vay là 8 năm kể từ ngày 01/01/2008 đến ngày 10/10/2015, tiền gốc và lãi vay được trả mỗi năm 2 kỳ. Từ năm 2011 đến năm 2015, lãi suất cho vay là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, trả lãi sau theo lãi suất bình quân của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn cộng chi phí biên 2,5%/năm.

(2) Là khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/2008/HĐTD - TCĐL ngày 09/10/2008 với mục đích tái cơ cấu nguồn vốn vay sau cổ phần hóa. Thời hạn vay tối đa 10 năm kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên, gốc và lãi được trả 3 tháng /lần từ ngày 11/04/2009.

Từ 11/07/2010 trở đi, lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, lãi trả sau của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn, cộng với lãi suất biên 3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.

18.1 CỔ PHIẾU

	Tại 30/06/2012	Tại 01/01/2012
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành, góp vốn đầy đủ	70.000.000	70.000.000
+ Cổ phiếu thường	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
+ Cổ phiếu thường	70.000.000	70.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu):	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 BẢNG ĐÓI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Tại 01/01/2011	700.000.000.000		-	12.057.749.614	12.197.387.119	56.343.736.819	780.598.873.552					
Lợi nhuận tăng trong năm	-		-	-	-	74.481.854.071	74.481.854.071					
Phân phối lợi nhuận năm 2010	-		-	10.326.314.749	1.152.767.070	(11.479.081.819)	(2.864.655.000)					
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-		-	-	-	(2.864.655.000)	(2.864.655.000)					
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2010	-		-	-	-	(42.000.000.000)	(42.000.000.000)					
Chuyển nguồn vốn	-		4.796.550.607	(4.796.550.607)	-	-	-					
Tại 31/12/2011	700.000.000.000		4.796.550.607	17.587.513.756	13.350.154.189	74.481.854.071	810.216.072.623					
Tại 01/01/2012	700.000.000.000		4.796.550.607	17.587.513.756	13.350.154.189	74.481.854.071	810.216.072.623					
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-		-	-	-	45.975.657.167	45.975.657.167					
Phân phối lợi nhuận năm 2011 (*)	-		-	9.433.562.367	3.724.092.704	(13.157.655.071)	(4.824.199.000)					
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-		-	-	-	(4.824.199.000)	(4.824.199.000)					
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	-		-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)					
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2011 (*)	-		-	-	-	(56.000.000.000)	(56.000.000.000)					
Chuyển nguồn vốn (**)	-		499.700.000	(499.700.000)	-	-	-					
Tại 30/06/2012	700.000.000.000		5.296.250.607	26.521.376.123	17.074.246.893	45.975.657.167	794.867.530.790					

(*) Thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/NQ-TMHP-C-DHDCD ngày 10/05/2012 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

(**) Tăng Vốn khác của chủ sở hữu đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh được hình thành từ Quỹ đầu tư phát triển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	205.264.382.543	62.832.405.624
Trong đó:		
+ Doanh thu bán điện (*)	200.550.952.604	62.406.002.342
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.713.429.939	426.403.282

(*) Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty vẫn đang trong giai đoạn đàm phán giá bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Giá bán điện trong 6 tháng đầu năm 2012 được tạm tính bằng 80% đơn giá bán điện năm 2011. Sau khi có thoả thuận giá mua bán điện chính thức, doanh thu trong kỳ có thể sẽ thay đổi và được điều chỉnh vào thời điểm cuối năm 2012.

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Giá vốn sản xuất điện	106.173.255.044	75.780.810.796
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.954.188.553	300.659.275
Cộng	110.127.443.597	76.081.470.071

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.696.180.318	3.172.959.621
Cộng	4.696.180.318	3.172.959.621

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền vay dài hạn	32.020.701.110	37.178.072.046
Cộng	32.020.701.110	37.178.072.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Thu từ bán hồ sơ mời thầu	1.818.180	-
Vật tư thu hồi	17.216.600	-
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	236.500.000
Khác	-	133.995.324
Cộng	19.034.780	370.495.324

24. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	209.706.278
Khác	-	120.000.000
Cộng	-	329.706.278

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60.610.159.323	(51.779.529.541)
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	60.610.159.323	(51.779.529.541)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành tạm tính (*)	14.634.502.156	-

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 là số liệu tạm tính. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được quyết toán chính thức vào cuối năm tài chính 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính).

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

**Từ 01/01/2012
đến 30/06/2012**

	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	45.975.657.167
Số điều chỉnh giảm	-
Số điều chỉnh tăng	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	45.975.657.167
Số cổ phiếu bình quân	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	657

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.608.648.019	1.053.167.408
Chi phí nhân công	15.249.002.275	5.146.735.322
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.352.815.018	65.295.057.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	989.441.302	995.202.152
Chi phí khác bằng tiền	34.191.433.521	8.784.790.246
	116.391.340.135	81.274.952.628

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.11.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 30/06/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.672.151.134	30.995.694.710
Đầu tư ngắn hạn	34.918.141.795	44.318.141.795
Phải thu khách hàng	147.272.165.244	191.151.311.858
Trả trước cho người bán	729.810.000	2.077.675.000
Các khoản phải thu khác	12.484.311.301	11.016.311.270
Đầu tư dài hạn	266.864.371.300	239.849.671.300
Cộng	539.940.950.774	519.408.805.933
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	1.178.697.000	11.068.102.348
Người mua trả tiền trước	923.468.000	717.000.000
Vay và nợ	376.678.248.446	415.490.248.446
Chi phí phải trả	24.562.291.414	15.894.536.281
Các khoản phải trả khác	32.208.817.430	6.235.121.280
Cộng	435.551.522.290	449.405.008.355

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong kỳ, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30/06/2012.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Tại 30/06/2012	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	1.178.697.000	-	-	1.178.697.000
Người mua trả tiền trước	923.468.000	-	-	923.468.000
Vay và nợ	38.812.000.000	127.866.248.446	210.000.000.000	376.678.248.446
Chi phí phải trả	24.562.291.414	-	-	24.562.291.414
Các khoản phải trả khác	32.208.817.430	-	-	32.208.817.430
Cộng	97.685.273.844	127.866.248.446	210.000.000.000	435.551.522.290
Tại 01/01/2012	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	11.068.102.348	-	-	11.068.102.348
Người mua trả tiền trước	717.000.000	-	-	717.000.000
Vay và nợ	77.624.000.000	127.866.248.446	210.000.000.000	415.490.248.446
Chi phí phải trả	15.894.536.281	-	-	15.894.536.281
Các khoản phải trả khác	6.235.121.280	-	-	6.235.121.280
Cộng	111.538.759.909	127.866.248.446	210.000.000.000	449.405.008.355

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Tại 30/06/2012	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.672.151.134	-	-	77.672.151.134
Đầu tư ngắn hạn	34.918.141.795	-	-	34.918.141.795
Phải thu khách hàng	147.272.165.244	-	-	147.272.165.244
Trả trước cho người bán	729.810.000	-	-	729.810.000
Đầu tư dài hạn	-	-	266.864.371.300	266.864.371.300
Các khoản phải thu khác	12.484.311.301	-	-	12.484.311.301
Cộng	273.076.579.474	-	266.864.371.300	539.940.950.774
Tại 01/01/2012	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.995.694.710	-	-	30.995.694.710
Đầu tư ngắn hạn	44.318.141.795	-	-	44.318.141.795
Phải thu khách hàng	191.151.311.858	-	-	191.151.311.858
Trả trước cho người bán	2.077.675.000	-	-	2.077.675.000
Đầu tư dài hạn	-	-	239.849.671.300	239.849.671.300
Các khoản phải thu khác	11.016.311.270	-	-	11.016.311.270
Cộng	279.559.134.633	-	239.849.671.300	519.408.805.933

29. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu với các bên liên quan	200.794.581.454	62.406.002.343
- Công ty mua bán điện	200.550.952.604	62.406.002.343
- Công ty CP Thủy Điện Đăkrosa	243.628.850	-
Chi phí với các bên liên quan	32.020.701.110	37.178.072.046
- Chi phí lãi vay Tập đoàn Điện lực	13.094.869.165	15.165.721.353
- Chi phí lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần điện lực	18.925.831.945	22.012.350.693

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	Tại 30/06/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
Các khoản phải thu	142.770.154.301	189.826.733.450
- Công ty mua bán điện	142.234.732.051	189.559.302.935
- Công ty CP Thủy Điện Đăkrosa	535.422.250	267.430.515
Các khoản phải trả	324.422.236	1.456.389.538
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	1.084.654.364
- TT Công nghệ thông tin - EVN Telecom	-	38.015.738
- TT điều độ hệ thống điện quốc gia	212.422.236	212.422.236
- TT Viễn thông điện lực Miền Nam - EVN Telecom	-	9.297.200
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	112.000.000	112.000.000
Các khoản vay	376.678.248.446	415.490.248.446
- Vay của Tập đoàn Điện lực	149.178.248.446	170.490.248.446
- Vay của Công ty tài chính CP Điện lực	227.500.000.000	245.000.000.000
Chi phí phải trả	12.819.291.414	15.894.536.281
- Lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	5.202.591.414	6.407.591.837
- Lãi vay phải trả Công ty tài chính CP Điện lực	7.616.700.000	9.486.944.444

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	216.000.000	354.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	78.600.000	78.600.000
Cộng	294.600.000	432.600.000

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu tại ngày 01/01/2012 trên Bảng cân đối kế toán là số liệu đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 là số liệu báo cáo của Công ty đã được soát xét.

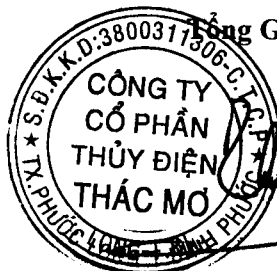
Bình Phước, ngày 27 tháng 08 năm 2012

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Phú



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán Thuế Tài chính doanh nghiệp Đào tạo

Tòa soạn chính
Tầng 6 - 136 Hoàng Quốc Việt
Hà Nội - Việt Nam
Phone : +844 3755 7446
Fax : +844 3755 7448
Thành viên hàng UHY Quốc tế

Chi nhánh Hồ Chí Minh
46 Trương Quyền
Phường 6, Quận 3, TP. HCM
Phone : +848 3820 4899
Fax : +848 3820 4909
www.uhyvietnam.com.vn